

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HS-ST
Ngày 26-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Dung

Ông Lý Văn Ninh

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thu Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Vi Thế Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2021/TLST-HS, ngày 10 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2021; Quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân số 05/2021/QĐ-TA ngày 25 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H1, tên gọi khác: H2, sinh ngày 14 tháng 8 năm 1981. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ *, khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế X, sinh năm 1957 và bà Nông Thị L, sinh năm 1956; chồng: Hoàng Văn L, sinh năm 1975 (đã chết); con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03-12-2020 đến ngày 05-01-2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Hoàng Thị H3, sinh năm 1981, trú tại: Số *, Quốc Lộ *, khối *, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

+ Anh Lê Đông G; vắng mặt.

+ Anh Bế Khánh D; vắng mặt.

Người chứng kiến: Anh Nguyễn Văn T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25-5-2020, Nguyễn Thị H1 làm hợp đồng thuê nhà số *, khu *, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn với chủ nhà Đặng Sĩ T, sinh năm 1968, trú tại: Đường L, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Từ khoảng đầu tháng 10 năm 2020 Nguyễn Thị H1 bắt đầu thực hiện hành vi mua bán dâm với khách đến mua dâm với giá 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng/ 01 lượt tại quán cà phê “H” địa chỉ: số *, khu *, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây ngoài Nguyễn Thị H1 bán dâm, còn có những nhân viên của quán Nguyễn Thị H1 thực hiện hành vi bán dâm cũng với giá 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng/lượt mua dâm, nếu Nguyễn Thị H1 là người trực tiếp bán dâm thì số tiền Nguyễn Thị H1 nhận được là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng từ khách mua dâm; còn nhân viên của quán bán dâm cho khách thì Nguyễn Thị H1 thỏa thuận sẽ lấy của nhân viên số tiền là 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Khoảng 19 giờ ngày 02-12-2020, Bế Khánh D, sinh năm 1986, trú tại: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn đến quán của Nguyễn Thị H1 để mua dâm, tại đây Nguyễn Thị H1 nói Hoàng Thị H3, sinh năm 1981, trú tại: Số *, Quốc Lộ *, khối *, phường V, thành phố L (Hoàng Thị H3 ăn nghỉ tại quán của Nguyễn Thị H1) bán dâm cho Bế Khánh D tại phòng số 3 nhìn theo hướng từ cửa ra vào; đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Đông G, sinh năm 1995, trú tại: Thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên đã đến quán của Nguyễn Thị H1 đặt vấn đề mua dâm; Nguyễn Thị H1 thỏa thuận giá mua bán dâm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Sau đó, Nguyễn Thị H1 dẫn Bế Khánh D đi vào phòng đầu tiên nhìn theo hướng từ cửa ra vào để bán dâm. Khi cả Hoàng Thị H3 và Nguyễn Thị H1 chuẩn bị bán dâm thì bị tổ công tác Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn phát hiện, bắt quả tang.

Đồ vật, tài liệu tạm giữ:

- Số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng.
- 01 (một) bao cao su nhãn hiệu “OK”.
- 01 (một) túi bóng màu đen bên trong chứa 30 (ba mươi) bao cao su nhãn hiệu “OK”.
- 01 (một) tuyp dạng gel nhãn hiệu “ORAL”.
- 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị H3.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 08-3-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác H2) về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và không khai báo bổ sung. Bị cáo nhận thức được việc chứa mại dâm là vi phạm pháp luật nhưng do hám lời nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị H1 và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H1 phạm tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác H2) từ 01(một) năm 6 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị hội đồng xét xử:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng do phạm tội mà có.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bao cao su nhãn hiệu “OK”; 01 (một) túi bóng màu đen bên trong chứa 30 (ba mươi) bao cao su nhãn hiệu “OK”; 01 (một) tuyp dạng gel nhãn hiệu “ORAL”.

- Trả lại cho chị Hoàng Thị H3 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị H3.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Tại lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo phù hợp với các chứng cứ khác và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang. Do đó có đủ cơ sở kết

luyện: Khoảng 19 giờ ngày 02-12-2020 Nguyễn Thị H1 đã có hành vi chứa việc mua bán dâm của Hoàng Thị H3 và Bế Khánh D tại nơi do mình quản lý, sử dụng, là quán cà phê “H”, số *, khu *, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác H2) về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh, trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chứa mại dâm là vi phạm pháp luật nhưng do hám lờn và coi thường pháp luật nên vẫn cố ý thực hiện.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Thế X được Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba vì đã có thành tích phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam; được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng bằng khen vì đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian tại ngũ góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng tổ quốc; do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, do đó xác định bị cáo là người có nhân thân tốt.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội, chỉ cần phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh của cơ quan điều tra và qua xét hỏi công khai tại phiên tòa thấy rằng bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, không có thu nhập ổn định; do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Đối với những nhân viên làm tại quán của Hương từ khoảng tháng 5/2020, do Nguyễn Thị H1 không nhớ họ, tên, địa chỉ, số điện thoại của những người này, nên không thể xác minh làm rõ, do đó không đủ cơ sở để xem xét xử lý hình sự bị can về những lần này.

[10] Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 400.000 đ (bốn trăm nghìn đồng) là số tiền do phạm tội mà có theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[11] Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bao cao su nhãn hiệu “OK”; 01 (một) túi bóng màu đen bên trong chứa 30 (ba mươi) bao cao su nhãn hiệu “OK”; 01 (một) tuyp dạng gel nhãn hiệu “ORAL” là vật không có giá trị và không sử dụng được theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[12] Trả lại cho chị Hoàng Thị H3 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Thị H3 theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[13] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331; 332; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác H2) phạm tội “Chứa mại dâm”.

2. Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác: H2) 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26 tháng 3 năm 2021. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy

định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng do phạm tội mà có.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bao cao su nhãn hiệu “OK”; 01 (một) túi bóng màu đen bên trong chứa 30 (ba mươi) bao cao su nhãn hiệu “OK”; 01 (một) tuyp dạng gel nhãn hiệu “ORAL”.

- Trả lại cho chị Hoàng Thị H3 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị H3.

(Các vật chứng còn lại được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19-3-2021).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác H2) phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Công an huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- CQTHAHS CA H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
-;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh